TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **T ỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/DS-ST
Ngày: 15 - 8 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TINH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Cường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Ngọc Thạch;
2. Bà Trần Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Thạnh A, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Thạnh A, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Vào ngày 10/10/2016 (al) ông có cho vợ chồng bà T, ông G vay số tiền 150.000.000 đồng, có làm giấy tay do bà T viết và ký tên, có thoả thuận thời hạn trả nợ là 04 tháng đến ngày 10/02/2017 (al), có thoả thuận lãi suất bằng miệng là 6%/tháng. Vợ chồng bà T, ông G không thế chấp tài sản gì. Đến hẹn vợ chồng bà T, ông G chỉ trả được 1.500.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 148.500.000 đồng. Ngày 07/3/2018 ông khởi kiện yêu cầu bà T,

ông G trả 150.000.000 đồng, nay ông xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.500.000 đồng, ông chỉ yêu cầu bà T, ông G trả số tiền nợ 148.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 03/5/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguyên trước đây bà có vay tiền của ông C nhiều lần với lãi suất là 10%/tháng. Do chưa có điều kiện để trả nợ nên ông C tính cả gốc và lãi là 150.000.000 đồng và yêu cầu bà ký tên. Bà thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giây nhận nợ mà ông C cung cấp cho toà án đúng là chữ ký và chữ viết của bà, tuy nhiên trong số tiền bà ký nhận nợ 150.000.000 đồng chỉ có 42.800.000 đồng tiền gốc còn lại là số tiền lãi. Nay ông C khởi kiện vợ chồng bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 42.800.000 đồng vì số tiền lãi mà vợ chồng bà đã trả cho ông C là quá nhiều.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày: Ông là chồng của bà T, vợ chồng ông sống chung và có đăng ký kết hôn từ năm 1998 cho đến nay. Việc bà T vay tiền của ông C ông hoàn toàn không biết chỉ đến lúc toà án thông báo thụ lý và triệu tập ông đến toà thì ông mới biết. Nay ông C khởi kiện ông và bà T, ông chỉ đồng ý trả số tiền 42.800.000 đồng cho ông C như ý kiến của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng theo quy định về nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền vay là 148.500.000 đồng. Ghi nhận ông C không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Những kiến nghị: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông G.

[2] Nội dung vụ án: Ông C và bà T, ông G có mối quan hệ quen biết lẫn nhau. Ông Chánh có cho bà T, ông G vay nhiều lần, các lần các bên đã trả xong, lần cuối cùng bà T có vay của ông C số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 10/10/2016 (al), mục đích vay đáo nợ ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 6% tháng, ngày trả nợ là ngày 10/02/2017 (al), hai bên có làm giấy nợ do bà T ký tên, vay không có thế chấp tài sản gì. Đến hẹn bà T và ông G chỉ trả được số tiền 1.500.000 đồng, số còn lại 148.500.000 đồng đến này bà T, ông G không trả cho ông C nên ông C khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông C thấy rằng: Giữa ông C và bà T, ông G có giao dịch vay tiền từ năm 2012, đến tháng 10/10/2016 (al) bà T có vay của ông C số tiền 150.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng, hẹn 4 tháng sau sẽ thanh toán cho ông C, nhưng đến hẹn bà T có trả cho ông C số tiền 1.500.000 đồng, số còn lại chưa trả. Bà T thừa nhận có vay của ông C nhiều lần nhưng chỉ với số tiền gốc 42.800.000 đồng số còn lại là lãi, ông G chồng bà T cũng thừa nhận là có nợ ông C với số tiền 42.800.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Nhưng theo giấy vay nợ ngày 10/10/2016 (al) thể hiện bà T có vay của ông C số tiền 150.000.000 đồng, bà T thừa nhận giấy nợ này do bà viết và ký tên không thể hiện phần gốc là bao nhiêu, lãi là bao nhiêu. Do đó có căn cứ cho rằng bà T và ông G có vay của ông C số tiền 150.000.000 đồng, ông C thừa nhận đã trả được 1.500.000 đồng, còn nợ lại 148.500.000 đồng. Ông G chồng bà T thừa nhận biết có nợ nhưng chỉ nợ số tiền 42.800.000 đồng như bà T trình bày, số tiền chênh lệch là lãi suất nhưng không có chứng cứ chứng minh. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.500.000 đồng đã trả chỉ yêu cầu bà T, ông G trả số tiền 148.500.000 đồng, xét việc rút phần yêu cầu này của ông C là tự nguyện, có căn cứ pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này. Buộc bà T và ông G có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền vay là 148.500.000 (một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn) đồng. Ghi nhận ông C không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G có trách nhiệm trả số tiền 148.500.000 (một trăm bốn mươi tám triệu năm năm ngàn) đồng.

2. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G phải chịu 7.425.00 (bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí sơ thẩm; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chông Nguyễn Văn C 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm chục ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn C đã nộp theo biên lai thu số 0025253, ngày 12/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bàn án hoặc niêm yết bán án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
-VKSND H.Tân Châu;
-THA-DS Tân Châu;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã Ký

Hồ Văn Cường